Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
Số 121

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ LIÊN CHÂU

(Kèm theo Nghị quyết số:85 /2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
1	Đất 2 bên đê Trung ương	Thuộc xã Liên Châu		6.400	3.200	2.600	3.900	2.100	1.500	2.800	1.600	1.100				
2	Đất 2 bên đường đê Bối	Thuộc xã Liên Châu		5.700	2.900	2.300	3.900	2.000	1.500	2.800	1.400	1.100				
3	Đất 2 bên đường huyện lộ đoạn từ dốc đê TW (nhà ông Chinh) qua UBND xã Đại Tự (cũ) đến giáp địa giới xã Tam Hồng			6.400	3.200	2.600	4.500	2.500	1.800	3.200	1.900	1.300	Thửa 832, tờ 17		Thửa 962, tờ 10	
4	Đất 2 bên đường trục thôn, liên thôn, liên xã (trừ các thửa TĐC)	Thuộc xã Liên Châu		2.500	1.300	1.000	1.300	700	610	900	510	460				
5	Đất 2 bên đường từ dốc đê TW (Ngũ Kiên) đến giáp đất huyện Vĩnh Tường (cũ)			6.400	3.200	2.600	4.500	2.500	1.800	3.200	1.900	1.300	Thửa 735, tờ 8		Thửa 226, tờ 3	
6	Đất 2 bên đường từ ngã tư (cửa hàng mua bán cũ) đến hết trường tiểu học I			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.800	1.400	1.100				
7	Khu Đất đấu giá khu vực Dộc Chùa, thôn Đại Tự, xã Liên Châu	Đất 2 bên đường từ ngã tư cửa hàng mua bán cũ đến hết trường tiểu học xã Đại Tự (cũ)		5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.800	1.400	1.100				
8	Khu đất Tái định cư, đất dịch vụ, đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đại Tự	Đất 2 bên đường huyện lộ đoạn từ dốc Đê TW (nhà ông Chinh) qua UBND xã Đại Tự (cũ) đến giáp địa giới xã Tam Hồng		6.400	3.200	2.600	4.500	2.500	1.800	3.200	1.900	1.300				
9	Khu đất Tái định cư, đất dịch vụ, đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Trung cầm			5.600	2.800	2.200	900			640						
10	Khu đất đấu giá QSD đất khu vực Nách Trại 4, thôn Tam Kỳ 5			2.900			900			640						
11	Đất 2 bên đường đoạn từ đê TW thôn Ngọc đường qua UBND xã Hồng Châu (cũ) đến bến phà Vân Phúc			4.200	2.100	1.700	2.900	1.700	1.200	2.100	1.300	900	Thửa số 39; tờ số 5		Thửa số 309; tờ số 18	
12	Đất 2 bên đường thuộc xã Hồng Phương (cũ) từ đê TW (dốc Lũng Hạ) đến đê Bối			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.800	1.400	1.100				
13	Đất trong khu tái định cư đê Bối, đê Trung ương xã Hồng Châu (cũ)			4.000			3.900			2.800			Thửa 606; tờ số 13		Thửa số 605; tờ số 13	
14	Khu đất Đấu giá QSDĐ Khu vực Em bé dưới, thôn Kim Lân			4.200			3.200			2.400						
15	Khu đất Đấu giá QSDĐ Khu vực B1 Ngọc Đường			4.200			1.100			800						
16	Khu đất Đấu giá QSDĐ Khu vực Hạ Hòm 2 lô 3			4.200			3.200			2.400						
17	Khu đất dịch vụ, đấu giá QSD đất, tái định cư xứ đồng Cầu thôn Phú Phong	Khu đất dịch vụ, đấu giá QSD đất, tái định cư xứ đồng Cầu thôn Phú Phong - Đất 2 ven đường từ đê TW qua xã Hồng Phương (cũ) đi đê Bối		5.600	2.800	2.200	4.600	2.300	1.800	3.300	1.700	1.300				
18	Khu đất đấu giá QSD đất, xứ đồng Má 1 thôn Phú Phong			5.600	2.800	2.200	4.000	2.000	1.600	2.900	1.500	1.200				
19	Đất hai bên đường còn lại trong khu tái định cư đê TW và đất đấu giá QSD đất xứ đồng Tầm Xuân thôn Nhật Chiêu			6.600	3.300	2.600	6.300	3.200	2.500	4.500	2.300	1.800	Thửa 560 tờ 30		Thửa 344 tờ 30	
20	Đất 2 bên đường đoạn từ đê TW qua cổng nhà ông Uyển đến đường rẽ vào HTX NN Nhật Chiêu			5.600	2.800	2.200	1.700	1.100		1.200	850		Thửa 56 tờ 35		Thửa 553 tờ 34	
21	Đất 2 bên đường đoạn từ đê TW qua nghĩa trang liệt sỹ xã Liên Châu đến hết trạm bơm đầu làng Nhật Tiến			5.700	2.900	2.300	3.900	2.000	1.500	2.800	1.400	1.100	Thửa 154 tờ 30		Thửa 42 tờ 29	
22	Đất 2 bên đường từ nhà ông Thực qua điện máy xanh đến nghĩa trang Liệt sỹ xã Liên Châu			9.000	4.500	3.600	6.300	3.200	2.500	4.400	2.200	1.800	Thửa 448 tờ 34		Thửa 599 tờ 30	
23	Đất 2 bên đường từ trạm bơm đầu làng Nhật Tiến đi Đại Tự và đi xã Tam Hồng			4.800	2.500		3.400	1.800		2.400	1.300		Thửa 42 tờ 29		Thửa 133 tờ 21	
24	Khu đấu giá xứ đồng Bãi Lão, thôn Thụ Ích 3			5.600	2.800		3.900	2.000		2.700	1.400		Thửa 411 tờ 25		Thửa 431 tờ 25	
25	Quy hoạch khu đất đấu giá QSD đất tại đồng Nếp, thôn Trung Cầm, xã Đại Tự, huyện Yên Lạc			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
26	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất khu đất chuyên dùng nhà văn hóa thôn 4 cũ thôn Hồng Châu			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
27	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất khu vực đê đập trước cổng bà Thịch, xã Hồng Châu			5.700	2.900	2.300	4.000	2.000	1.600	2.800	1.400	1.100				
28	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất khu vực Trước cổng ông Quang, thôn Ngọc Đường			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
29	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất khu vực giáp Trạm biến thế thôn Ngọc Đường			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
30	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất khu vực Mương Trại, thôn Cầm La, xã Hồng Châu			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
31	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở khu vực Thùng Đấu xã Hồng Châu			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
32	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất khu vực nhà ông Điều 2 bên xã Hồng Châu			2.900			2.000			1.400						
33	Khu đất đấu giá QSD đất khu vực Bãi Cát thôn Trung Nha			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
34	Khu đất đấu giá đất ở xen ghép Khu Trạm Điện thôn Phú Phong xã Hồng Phương			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
35	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại Đồng Vườn Dờn, thôn Phương Nha xã Hồng Phương			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
36	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ao trước làng, thôn Trung Nha xã Hồng Phương			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
37	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ao xen ghép khu vực cổng ông Muôn Sơn xã Hồng Phương			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
38	Khu đất đấu giá đất ở tại xứ đồng Lũy Trên Cao xã Hồng Phương			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
39	XD hạ tầng khu đất đấu giá QSD đất xứ đồng Cò Hôi thôn Thụ Ích			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
40	XD hạ tầng khu đất đấu giá QSD đất xứ đồng Bờ Giếng Nhật Chiêu 7			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
41	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại xứ đồng Bãi Dâu thôn Nhật Chiêu mới			5.700	2.900	2.300	4.000	2.000	1.600	2.800	1.400	1.100				
42	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Trường mầm non Đại Tự			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
43	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Trường mầm non Tam Kỳ			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				
44	Khu đất tái định cư, đất đấu giá QSD đất tại xứ đồng Bãi Ưu Tiên			5.700	2.900	2.300	4.000	2.000	1.600	2.800	1.400	1.100				
45	Khu đất đấu giá QSD đất tại khu vực Cửa trại 6, thôn Tam Kỳ 6 xã Đại Tự, huyện Yên Lạc			5.600	2.800	2.200	3.900	2.000	1.500	2.700	1.400	1.100				